



**Công ty TNHH Một Thành Viên Tập đoàn
Dệt-May Việt Nam**

Báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2011



Công ty TNHH Một Thành Viên Tập đoàn Dệt-May Việt Nam
Thông tin về Công ty

Giấy Chứng nhận

Đăng ký Kinh doanh số	0106000697	ngày 9 tháng 5 năm 2006
	0106000697	ngày 28 tháng 12 năm 2006
	0106000697	ngày 22 tháng 8 năm 2007
	0106000697	ngày 3 tháng 11 năm 2008
	0106000697	ngày 12 tháng 12 năm 2009
	0100100008	ngày 27 tháng 10 năm 2010

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Công ty được sửa đổi nhiều lần, lần gần đây nhất là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0100100008 ngày 27 tháng 10 năm 2010. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

Hội đồng thành viên

Ông Vũ Đức Giang	Chủ tịch
Ông Trần Quang Nghị	Ủy viên
Ông Lê Tiến Trường	Ủy viên
Ông Phạm Duy Hạnh	Ủy viên
Ông Nguyễn Khánh Sơn	Ủy viên

Cơ Quan Tổng Giám đốc

Ông Trần Quang Nghị	Tổng Giám đốc
Ông Lê Tiến Trường	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phạm Duy Hạnh	Phó Tổng Giám đốc (từ ngày 17/01/2012)
Bà Phạm Nguyễn Hạnh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Văn Phô	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Trung Hải	Phó Tổng Giám đốc
Bà Dương Thị Ngọc Dung	Phó Tổng Giám đốc
Ông Hoàng Vệ Dũng	Phó Tổng Giám đốc (từ ngày 17/01/2012)
Ông Bùi Nguyễn Tiến	Giám đốc Điều hành
Ông Vũ Sỹ Nam	Giám đốc Điều hành
Ông Ưông Tiến Thịnh	Giám đốc Điều hành
Ông Nguyễn Đức Khiêm	Giám đốc Điều hành
Ông Phạm Hòa Bình	Giám đốc Điều hành (từ ngày 08/04/2011)
Ông Hoàng Vệ Dũng	Giám đốc Điều hành (đến ngày 16/01/2012)
Ông Nguyễn Khánh Sơn	Phó Tổng giám đốc (đến ngày 16/01/2012)

Trụ sở đăng ký

25 Phố Bà Triệu
Quận Hoàn Kiếm
Hà Nội, Việt Nam

Đơn vị kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam



KPMG Limited
46th Floor, Keangnam Hanoi Landmark Tower,
72 Building, Plot E6, Pham Hung Street,
Me Tri, Tu Liem, Hanoi city
The Socialist Republic of Vietnam

Telephone + 84 (4) 3946 1600
Fax + 84 (4) 3946 1601
Internet www.kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi Hội đồng Thành viên

Công ty TNHH Một Thành Viên Tập đoàn Dệt-May Việt Nam

Phạm vi kiểm toán

Chúng tôi đã kiểm toán bảng cân đối kế toán riêng đính kèm của Công ty TNHH Một Thành Viên Tập đoàn Dệt-May Việt Nam (“Tập đoàn Dệt-May Việt Nam”) tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Cơ Quan Tổng Giám đốc Tập đoàn Dệt-May Việt Nam phê duyệt phát hành vào ngày 23 tháng 8 năm 2012. Việc lập và trình bày các báo cáo tài chính riêng này thuộc trách nhiệm của Cơ Quan Tổng Giám đốc Tập đoàn Dệt-May Việt Nam. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính riêng này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để có được sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không chứa đựng các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và thuyết trình trong các báo cáo tài chính. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và các ước tính quan trọng của Cơ Quan Tổng Giám đốc, cũng như việc đánh giá cách trình bày tổng quát của các báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Cơ sở đưa ra ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, Tập đoàn Dệt-May Việt Nam có một số khoản đầu tư tài chính dài hạn vào các cổ phiếu niêm yết hoặc được giao dịch phổ biến trên thị trường. Tập đoàn Dệt-May Việt Nam chưa thực hiện trích lập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn theo hướng dẫn của Thông tư 228/2009/TT-BTC (“Thông tư 228”) về việc lập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính. Theo Quyết định số 5151/QĐ-BCT ngày 07/10/2011 của Bộ Công thương, Tập đoàn sẽ thực hiện cổ phần hóa tại thời điểm ngày 1 tháng 1 năm 2012. Về vấn đề này Cơ Quan Tổng Giám đốc Tập đoàn Dệt may Việt Nam có ý kiến cho rằng hiện tại Tập đoàn Dệt-May Việt Nam đang trình cơ quan có thẩm quyền về việc cổ phần hóa Tập đoàn Dệt-May Việt Nam theo phương án đặc thù, theo đó các khoản đầu tư tài chính dài hạn được đánh giá lại dựa trên nguyên tắc lấy khoản đầu tư tăng trừ đi khoản đầu tư giảm, số chênh lệch được hạch toán vào vốn nhà nước tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2011. Nếu các khoản đầu tư tài chính dài hạn được lập theo hướng dẫn của Thông tư 228, dự phòng đầu tư tài chính dài hạn và vốn chủ sở hữu tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 sẽ tăng và giảm tương ứng là 83.197 triệu VND và 62.398 triệu VND, chi phí tài chính và lợi nhuận thuần cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 sẽ giảm lần lượt 83.197 triệu VND và 62.398 triệu VND.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ các ảnh hưởng có thể có của các vấn đề nêu tại phần Cơ sở đưa ra ý kiến kiểm toán ngoại trừ, các báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính trước hợp nhất của Công ty TNHH Một Thành Viên Tập đoàn Dệt-May Việt Nam tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam
Giấy Chứng nhận Đầu tư số: 011043000345
Số báo kiểm toán số: 11-02-212



Nguyễn Thành Nghị
Chứng chỉ kiểm toán viên số 0304/KTV
Phó Tổng Giám đốc

Đàm Xuân Lâm
Chứng chỉ kiểm toán viên số N.0861/KTV

Hà Nội, ngày 23 tháng 8 năm 2012

Công ty TNHH Một Thành Viên Tập đoàn Dệt-May Việt Nam
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn	100		1.102.267.052.816	1.220.422.351.117
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	3	148.151.439.720	397.078.617.484
Tiền	111		11.351.439.720	92.078.617.484
Các khoản tương đương tiền	112		136.800.000.000	305.000.000.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	4	36.000.000.000	25.000.000.000
Phải thu ngắn hạn	130	5	910.572.314.042	796.688.984.357
Phải thu khách hàng	131		47.273.044.524	79.166.997.777
Trả trước cho người bán	132		1.188.522.146	8.233.159.578
Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	2.519.123.064
Các khoản phải thu khác	135		892.294.623.572	751.799.347.119
Dự phòng phải thu khó đòi	139		(30.183.876.200)	(45.029.643.181)
Hàng tồn kho	140	6	2.072.394.324	582.005.389
Hàng tồn kho	141		2.072.394.324	582.005.389
Tài sản ngắn hạn khác	150		5.470.904.730	1.072.743.887
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	160.000.000
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		3.624.692.810	126.921.435
Tài sản ngắn hạn khác	158		1.846.211.920	785.822.452

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính riêng này

Công ty TNHH Một Thành Viên Tập đoàn Dệt-May Việt Nam
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 (tiếp theo)

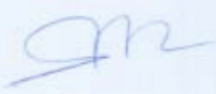
	Mã số	Thuyết minh	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Tài sản dài hạn	200		3.271.874.800.544	3.060.460.670.335
Phải thu dài hạn	210	5	58.397.078.000	85.741.721.037
Tài sản cố định	220		303.839.035.124	356.185.263.929
Tài sản cố định hữu hình	221	7	214.635.362.027	274.787.925.048
Nguyên giá	222		394.199.747.344	402.425.826.854
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(179.564.385.317)	(127.637.901.806)
Tài sản cố định vô hình	227	8	58.094.932.539	69.623.636.324
Nguyên giá	228		63.145.078.600	78.911.181.996
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(5.050.146.061)	(9.287.545.672)
Xây dựng cơ bản dở dang	230	9	31.108.740.558	11.773.702.557
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	10	2.877.237.153.111	2.607.883.678.462
Đầu tư vào các công ty con	251		1.702.301.421.745	1.822.722.235.442
Đầu tư vào các công ty liên kết	252		598.741.565.000	212.965.265.000
Đầu tư dài hạn khác	258		632.202.318.659	646.716.516.139
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(56.008.152.293)	(74.520.338.119)
Tài sản dài hạn khác	260		32.401.534.309	10.650.006.907
Chi phí trả trước dài hạn	261	12	27.090.380.809	10.650.006.907
Tài sản dài hạn khác	268		5.311.153.500	-
TỔNG TÀI SẢN	270		4.374.141.853.360	4.280.883.021.452

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính riêng này

Công ty TNHH Một Thành Viên Tập đoàn Dệt-May Việt Nam
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 (tiếp theo)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ	300		445.910.468.003	503.752.666.417
Nợ ngắn hạn	310		383.817.675.763	406.144.222.580
Vay ngắn hạn	311	13	265.240.000.000	265.240.000.000
Phải trả người bán	312		9.730.996.534	10.131.655.501
Người mua trả tiền trước	313		430.078.550	1.365.053.575
Thuế phải nộp ngân sách Nhà nước	314		3.410.264.884	4.621.476.787
Phải trả người lao động	315		19.623.652.685	13.810.102.040
Chi phí phải trả	316	14	15.668.619.897	8.300.285.839
Phải trả khác	319	15	36.985.727.866	70.425.053.616
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	320		32.728.335.347	32.250.595.222
Nợ dài hạn	330		62.092.792.240	97.608.443.837
Phải trả dài hạn khác	333		791.829.324	752.816.735
Vay dài hạn	334	16	60.403.062.613	96.043.062.613
Dự phòng trợ cấp thôi việc	336		5.529.706	7.310.984
Doanh thu chưa thực hiện	338		892.370.597	805.253.505
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		3.928.231.385.357	3.777.130.355.035
Vốn chủ sở hữu	410		3.830.795.091.740	3.587.680.416.215
Vốn góp	411	17	3.400.000.000.000	3.400.000.000.000
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	255.160.422
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		91.880.932	76.453.119
Quỹ đầu tư phát triển	417	18	13.391.671.646	8.000.605.626
Quỹ dự phòng tài chính	418	18	48.144.714.053	52.430.368.048
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		155.862.966.151	-
Lợi nhuận chưa phân phối	420		171.170.029.958	-
Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421	18	42.133.829.000	126.917.829.000
Nguồn kinh phí sự nghiệp và các quỹ khác	430		97.436.293.617	189.449.938.820
Quỹ sắp xếp lại doanh nghiệp	432		97.436.293.617	189.449.938.820
TỔNG NGUỒN VỐN	440		4.374.141.853.360	4.280.883.021.452

Người lập



Đặng Thị Hải
 Chuyên viên Kế toán

Người duyệt:



Phạm Văn Tân
 Trưởng Ban Tài chính




Trần Quang Nghị
 Tổng Giám đốc

Ngày 23 tháng 8 năm 2012

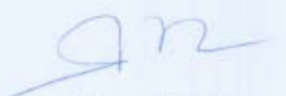
Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính riêng này

Công ty TNHH Một Thành Viên Tập đoàn Dệt-May Việt Nam
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011


PHẦN I: BÁO CÁO LÃI LỖ

	Mã số	Thuyết minh	2011 VND	2010 VND
Tổng doanh thu	01	19	99.512.656.035	490.515.435.936
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	19	(90.909)	(1.366.947.977)
Doanh thu thuần	10		99.512.565.126	489.148.487.959
Giá vốn hàng bán	11	20	(66.862.531.234)	(379.353.783.287)
Lợi nhuận gộp	20		32.650.033.892	109.794.704.672
Doanh thu hoạt động tài chính	21	21	339.749.270.649	330.408.787.122
Chi phí tài chính	22	22	1.815.904.276	(10.921.168.210)
Chi phí bán hàng	24		(693.814.403)	(62.746.824.671)
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		(158.584.811.575)	(194.220.474.602)
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		214.936.582.839	172.315.024.311
Kết quả từ các hoạt động khác	40			
Thu nhập khác	31		8.418.982.968	30.077.863.939
Chi phí khác	32		(7.344.495.234)	(917.688.432)
Lợi nhuận trước thuế TNDN	50		216.011.070.573	201.475.199.818
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	23	-	(122.576.813)
Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		216.011.070.573	201.352.623.005


Người lập


 Đặng Thị Hải
 Chuyên viên Kế toán

Người duyệt:


 Phạm Văn Tân
 Trưởng Ban Tài chính




 Trần Quang Nghị
 Tổng Giám đốc

Ngày 23 tháng 8 năm 2012

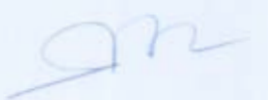
Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính riêng này

Công ty TNHH Một Thành Viên Tập đoàn Dệt-May Việt Nam
 Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011
 (tiếp theo)


PHẦN II: TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGHĨA VỤ VỚI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

Mã số	Số còn phải nộp năm trước chuyển sang VND	Số phát sinh phải nộp trong năm VND	Số đã nộp trong năm VND	Số còn phải nộp chuyển sang năm sau VND
Thuế				
Thuế GTGT hàng bán nội địa	11 314.160.755	14.443.371.591	(14.722.357.348)	35.174.998
Thuế thu nhập doanh nghiệp	15 1.002.141.520	-	(1.002.141.520)	-
Các loại thuế khác	19 3.305.174.512	1.974.812.164	(1.904.896.790)	3.375.089.886
Thuế nhà thầu	2.738.369.880	-	-	2.738.369.880
Thuế thu nhập cá nhân	199.914.447	668.081.440	(483.083.881)	384.912.006
Các loại thuế khác	366.890.185	1.306.730.724	(1.421.812.909)	251.808.000
40	4.621.476.787	16.418.183.755	(17.629.395.658)	3.410.264.884

Người lập


 Đặng Thị Hải
 Chuyên viên Kế toán

Người duyệt:


 Phạm Văn Tân
 Trưởng Ban Tài chính



 Trần Quang Nghị
 Tổng Giám đốc

Ngày 23 tháng 8 năm 2012

Công ty TNHH Một Thành Viên Tập đoàn Dệt-May Việt Nam
Báo cáo tổng hợp doanh thu và lợi nhuận cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

STT	Đơn vị	Chi tiết doanh thu					Lợi nhuận sau thuế TNDN 2011 VND
		Tổng doanh thu 2011 VND	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ 2011 VND	Doanh thu hoạt động tài chính 2011 VND	Thu nhập khác 2011 VND	Thu nhập khác 2011 VND	
1	Văn phòng Công ty mẹ Văn phòng Hà Nội Văn phòng Hồ Chí Minh	375.114.552.641	28.629.456.599	338.074.113.074	8.410.982.968	221.010.199.552	
		361.975.726.765	23.070.280.966	337.804.944.322	1.100.501.477	230.297.823.705	
		13.138.825.876	5.559.175.633	269.168.752	7.310.481.491	(9.287.624.153)	
2	Các đơn vị phụ thuộc Xi nghiệp sản xuất kinh doanh Áo vệt Hải Phòng Trung tâm xử lý nước thải KCN Dệt may Phố Núi	72.566.357.011	70.883.199.436	1.675.157.575	8.000.000	(4.999.128.979)	
		66.579.149.513	64.926.151.437	1.652.998.076	-	1.541.149.373	
		5.987.207.498	5.957.047.999	22.159.499	8.000.000	(6.540.278.352)	
3	Tổng Cộng	447.680.909.652	99.512.656.035	339.749.270.649	8.418.982.968	216.011.070.573	

Người lập




Đặng Thị Hải
Chuyên viên Kế toán

Người duyệt





Phạm Văn Tân
Trưởng Ban Tài chính


Trần Quang Nghị
Tổng Giám đốc

Ngày 23 tháng 8 năm 2012

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính riêng này

Công ty TNHH Một Thành Viên Tập đoàn Điện-Máy Việt Nam
Báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

	Vốn góp VND	Chênh lệch đánh giá lại tài sản VND	Chênh lệch tỷ giá hối đoái VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản VND	Tổng vốn chủ sở hữu VND	Quỹ sắp xếp lại doanh nghiệp VND	Tổng VND
Số dư ngày 1 tháng 1 năm 2010	3.265.299.628.660	-	44.298.041	18.645.709.702	12.958.579.177	-	192.745.142.530	-	3.489.693.357.910	-	3.489.693.357.910
Tăng vốn góp do nhận khoản đầu tư mới từ các công ty con	21.614.577.880	-	-	-	-	-	-	-	21.614.577.880	-	21.614.577.880
Bổ sung vốn góp từ các quỹ	115.471.053.164 (2.385.259.704)	-	-	(10.645.104.076)	39.471.788.871	-	(361.827.170.113)	77.917.829.000	(139.611.603.154) -	139.611.603.154	(2.385.259.704)
Giảm vốn góp	-	-	-	-	-	-	-	-	49.000.000.000	-	49.000.000.000
Tăng quỹ từ Bộ Tài chính	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Tăng quỹ từ phải thu về cổ phần hóa công ty con	-	-	-	-	-	-	-	-	-	62.563.612.987	62.563.612.987
Chênh lệch đánh giá tài sản	-	255.160.422	-	-	-	-	-	-	255.160.422	-	255.160.422
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	-	32.155.078	-	-	-	-	-	32.155.078	-	32.155.078
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	-	201.352.623.005	-	201.352.623.005	-	201.352.623.005
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	-	-	(32.270.595.222)	-	(32.270.595.222)	-	(32.270.595.222)
Sử dụng các quỹ	-	-	-	-	-	-	-	-	-	(12.725.277.321)	(12.725.277.321)
Số dư ngày 31 tháng 12 năm 2010	3.400.000.000.000	255.160.422	76.453.119	8.000.605.626	52.430.368.048	-	-	126.917.829.000	3.587.680.416.215	189.449.938.820	3.777.130.355.035

Công ty TNHH Một Thành Viên Tập đoàn Điện-Máy Việt Nam
 Báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 (tiếp theo)

	Vốn góp VND	Chênh lệch đánh giá lại tài sản VND	Chênh lệch tỷ giá hối đoái VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản VND	Tổng vốn chủ sở hữu VND	Quỹ sắp xếp lại doanh nghiệp VND	Tổng VND
Số dư ngày 1 tháng 1 năm 2011	3.400.000.000.000	255.160.422	76.453.119	8.000.605.626	52.430.368.048	-	-	126.917.829.000	3.587.680.416.215	189.449.938.820	3.777.130.355.035
Tăng quỹ từ phân thu về cổ phần hóa công ty con	-	-	-	-	-	-	-	-	-	84.428.695.587	84.428.695.587
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	15.427.813	-	-	-	-	-	-	15.427.813	-	15.427.813
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	-	216.011.070.573	-	216.011.070.573	-	216.011.070.573
Phân loại lại cho Quỹ sắp xếp lại doanh nghiệp	-	-	-	-	-	174.058.565.839	-	-	174.058.565.839	(174.058.565.839)	-
Sử dụng các quỹ	-	-	-	-	(25.174.058.408)	-	-	-	(25.174.058.408)	(9.124.785.272)	(34.298.843.680)
Phân phối lợi nhuận vào các quỹ	-	-	-	5.047.682.926	20.888.404.413	-	(44.455.024.488)	-	(18.518.937.149)	6.741.010.321	(11.777.926.828)
Giảm do ghi nhận lại vốn điều lệ tại Công ty con	-	-	-	-	-	(22.747.599.688)	-	-	(22.747.599.688)	-	(22.747.599.688)
Giảm do ghi nhận lại nguồn vốn xây dựng cơ bản	-	-	-	-	-	-	-	(84.784.000.000)	(84.784.000.000)	-	(84.784.000.000)
Tăng do ghi nhận vốn điều lệ tại Công ty con	-	-	-	-	-	4.552.000.000	-	-	4.552.000.000	-	4.552.000.000
Giảm do chia tách Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng An Thịnh	-	(255.160.422)	-	-	-	-	-	-	(255.160.422)	-	(255.160.422)
Tăng/(giảm) khác	-	-	-	343.383.094	-	-	(386.016.127)	-	(42.633.033)	-	(42.633.033)
Số dư ngày 31 tháng 12 năm 2011	3.400.000.000.000	-	91.880.932	13.391.671.646	48.144.714.053	155.862.966.151	171.170.029.958	42.133.829.000	3.830.795.091.740	97.436.293.617	3.928.231.385.357

Người lập

ĐHT

Đặng Thị Hải
 Chuyên viên Kế toán

Người duyệt:



Trần Quang Nghi
 Tổng Giám đốc

Ngày 23 tháng 8 năm 2012

Công ty TNHH Một Thành Viên Tập đoàn Dệt-May Việt Nam
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

	Mã số	Thuyết minh	2011 VND	2010 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỬ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận trước thuế	01		216.011.070.573	201.475.199.818
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao và phân bổ	02		68.482.618.951	40.990.607.769
Các khoản dự phòng	03		(14.499.657.532)	82.292.688.322
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		-	32.155.078
Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(294.253.464.748)	(280.772.428.310)
Chi phí lãi vay	07		13.772.830.703	10.436.281.661
(Lỗ)/lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		(10.486.602.053)	54.454.504.338
Biến động các khoản phải thu và tài sản ngắn hạn khác	09		(102.185.321.004)	21.586.958.042
Biến động hàng tồn kho	10		(1.490.388.935)	38.142.982.686
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		(5.783.555.219)	3.466.458.586
			(119.945.867.211)	117.650.903.652
Tiền lãi vay đã trả	13		(4.801.164.036)	(4.764.644.429)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(1.002.141.520)	(8.372.239.830)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		84.367.017.504	-
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(20.810.988.102)	(12.725.277.321)
Tiền thuần (chi cho)/thu từ các hoạt động kinh doanh	20		(62.193.143.365)	91.788.742.072

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính riêng này

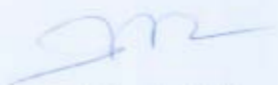
	Mã số	Thuyết minh	2011 VND	2010 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21		(55.212.267.444)	(34.850.484.711)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	22		777.872.909	-
Tiền chi mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		(117.831.460.502)	-
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(281.742.297.056)	(497.287.217.764)
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	26		44.427.768.354	78.207.699.851
Tiền giảm do đơn vị phụ thuộc tách ra hoạt động độc lập	26		(13.242.897.422)	(50.306.456.115)
Tiền thu lãi cho vay và cổ tức	27		271.729.246.762	305.592.148.499
Tiền thuần chi cho các hoạt động đầu tư	30		(151.094.034.399)	(198.644.310.240)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ CÁC HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền thu từ tăng vốn	31		-	49.000.000.000
Tiền vay ngắn hạn và dài hạn nhận được	33		-	229.600.000.000
Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(35.640.000.000)	(31.893.000.000)
Tiền thuần (chi cho)/thu từ các hoạt động tài chính	40		(35.640.000.000)	246.707.000.000
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(248.927.177.764)	139.851.431.832
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60		397.078.617.484	257.227.185.652
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	70	3	148.151.439.720	397.078.617.484

Công ty TNHH Một Thành Viên Tập đoàn Dệt-May Việt Nam
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 (tiếp theo)

CÁC GIAO DỊCH PHI TIỀN TỆ TỪ CÁC HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ VÀ TÀI CHÍNH

	2011 VND	2010 VND
Giảm vốn thông qua cổ phần hóa các công ty con	-	(2.385.259.704)
Tăng vốn do nhận khoản đầu tư mới từ các công ty con	4.552.000.000	21.614.577.880
Tăng vốn từ phải thu từ cổ phần hóa	-	62.563.612.987
Tăng khoản đầu tư từ phải thu	(96.809.760.121)	-
Giảm khoản đầu tư do ghi giảm Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	84.784.000.000	-
Tăng tài sản do đánh giá lại	-	255.160.422
Giảm tài sản do xác định lại giá trị đã thực hiện	2.704.454.830	-
Giảm khoản phải thu và tài sản ngắn hạn do chia tách một đơn vị phụ thuộc	6.342.455.026	66.434.808.375
Giảm hàng tồn kho do chia tách một đơn vị phụ thuộc	-	146.453.953.654
Giảm tài sản cố định và tài sản dài hạn khác do chia tách một đơn vị phụ thuộc	10.708.326.599	146.948.467.134
Giảm khoản đầu tư do chia tách một đơn vị phụ thuộc	-	(258.472.319.057)
Giảm khoản vay ngắn hạn và dài hạn do chia tách một đơn vị phụ thuộc	-	(12.491.166.000)

Người lập



Đặng Thị Hải
Chuyên viên Kế toán

Người duyệt:



Phạm Văn Tân
Trưởng Ban Tài chính



Trần Quang Nghị
Tổng Giám đốc

Ngày 23 tháng 8 năm 2012

Công ty TNHH Một Thành Viên Tập đoàn Dệt-May Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các báo cáo tài chính riêng đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

Công ty TNHH Một Thành Viên Tập đoàn Dệt-May Việt Nam ("Tập đoàn Dệt-May Việt Nam") là một công ty TNHH Một Thành Viên do Nhà nước làm chủ sở hữu theo quyết định số 974/QĐ-Ttg ngày 25 tháng 6 năm 2010.

Các báo cáo tài chính riêng của Tập đoàn Dệt-May Việt Nam cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 bao gồm Tập đoàn Dệt-May Việt Nam và các đơn vị hạch toán phụ thuộc của Tập đoàn Dệt-May Việt Nam:

Tên	Thông tin chính
• Trung tâm Xử lý nước thải Khu Công nghiệp Dệt May Phố Nối	Đăng ký tại Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hưng Yên theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 316934 ngày 6 tháng 8 năm 2003 với tư cách là một đơn vị phụ thuộc của Tập đoàn Dệt-May Việt Nam.
• Xí nghiệp Sản xuất Kinh doanh Áo vét Hải Phòng	Đăng ký tại Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Phòng theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0216000103 ngày 19 tháng 10 năm 2007 với tư cách là một đơn vị phụ thuộc của Tập đoàn Dệt-May Việt Nam.

Ngày 25 tháng 1 năm 2011, Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng An Thịnh, một đơn vị phụ thuộc Tập đoàn Dệt-May Việt Nam, chính thức chuyển đổi thành Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Vinatex theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0310609306 ngày 26 tháng 1 năm 2011 do Sở kế hoạch và Đầu tư Thành Phố Hồ Chí Minh cấp. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 bao gồm kết quả kinh doanh của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng An Thịnh cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 năm 2011 đến ngày 25 tháng 1 năm 2011.

Tập đoàn Dệt-May Việt Nam có nhiệm vụ hoạt động kinh doanh, đầu tư vốn và có toàn quyền quản lý vốn Nhà nước trong các công ty con của Tập đoàn để đảm bảo duy trì và phát triển nguồn vốn được Chính phủ Việt Nam giao cho Tập đoàn Dệt-May Việt Nam với các hoạt động chính như sau:

1 Sản xuất và kinh doanh trong các lĩnh vực sau:

- Công nghiệp dệt may: sản xuất, kinh doanh nguyên vật liệu, vật tư, thiết bị, phụ tùng, phụ liệu, hóa chất, thuốc nhuộm và các sản phẩm cuối cùng của ngành dệt may; sản xuất kinh doanh hàng dệt may gồm các chủng loại xơ, sợi, vải, hàng may mặc, dệt kim, chỉ khâu, khăn bông len, thảm, dây tơ, tơ tằm, vải tơ tằm, vải kỹ thuật, vải không dệt, vải trang trí nội thất;
- Gia công, sản xuất, chế biến nông, lâm, thủy hải sản (sơ chế); đóng gói thực phẩm tươi, thực phẩm sơ chế, thực phẩm khô, bánh mứt các loại;
- Sản xuất kinh doanh nguyên liệu bông xơ; nguyên phụ liệu, bao bì cho sản xuất và chế biến bông; dịch vụ kỹ thuật và kinh doanh các loại giống cây trồng, phân bón và vật tư nông nghiệp khác; sản xuất các chế phẩm sinh học phục vụ cho ngành nông lâm nghiệp; chế biến nông sản; kiểm nghiệm giống bông, giống cây trồng, chất lượng bông xơ;

Công ty TNHH Một Thành Viên Tập đoàn Dệt-May Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

(tiếp theo)

- Xuất nhập khẩu và kinh doanh thương mại: hàng dệt may, thiết bị phụ tùng ngành dệt may; phụ liệu, hóa chất, thuốc nhuộm; hàng công nghệ thực phẩm; nông, lâm, hải sản; thủ công mỹ nghệ; ô tô, xe máy; thiết bị âm thanh, ánh sáng; thiết bị tạo mẫu thời trang; phương tiện vận tải, vật liệu điện, điện tử, phần mềm và thiết bị tin học, cao su; nước uống dinh dưỡng và mỹ phẩm các loại; phụ tùng, máy móc, thiết bị phục vụ công nghiệp; dụng cụ quang học, hệ thống kiểm tra đo lường phục vụ công tác thí nghiệm; phế liệu và thành phẩm sắt, thép và kim loại màu; kinh doanh quần áo và trang thiết bị bảo hộ lao động và các mặt hàng tiêu dùng khác;
 - Kinh doanh bán lẻ các sản phẩm dệt may và các sản phẩm tiêu dùng khác, gồm: đầu tư xây dựng siêu thị; cho thuê nhà phục vụ các mục đích kinh doanh (kiốt, trung tâm thương mại); cho thuê kho, bãi đậu xe, dịch vụ giữ xe; mua bán hàng dệt may, vật tư công nghiệp và các sản phẩm tiêu dùng khác; bia, rượu, thuốc lá các loại; bán hàng lưu động đã đăng ký trong giấy phép đăng ký kinh doanh;
 - Dịch vụ: thi công, lắp đặt hệ thống điện dân dụng, điện lạnh, công nghiệp; tư vấn, thiết kế quy trình công nghệ, bố trí máy móc thiết bị cho ngành công nghiệp dân dụng; tư vấn thiết kế lập các dự án đầu tư trong lĩnh vực dệt may, môi trường; tư vấn giám sát, kiểm tra, đánh giá hoạt động trong lĩnh vực sản xuất kỹ thuật, thương mại và môi trường; thiết kế, chế tạo thiết bị, linh kiện và lắp đặt hệ thống điện công nghiệp, hệ thống cầu, thang nâng hạ, thang máy sản xuất, kinh doanh sửa chữa, lắp đặt các sản phẩm cơ khí và máy móc thiết bị công nghiệp; thực hiện các dịch vụ thương mại và công việc có tính chất công nghiệp; giám định kiểm tra chất lượng nguyên phụ liệu, hoá chất, thuốc nhuộm và các sản phẩm dệt may; dịch vụ đào tạo, nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ, đào tạo nghề dệt may công nghiệp, nghề cơ khí; xuất khẩu lao động Việt Nam; uỷ thác mua bán xăng, dầu; kinh doanh kho vận, kho ngoại quan; thiết kế, thi công xây lắp phục vụ ngành công nghiệp và xây dựng dân dụng; dịch vụ khoa học công nghệ, du lịch, khách sạn, nhà hàng, văn phòng, vận tải, du lịch lữ hành trong nước; tư vấn thiết kế dịch vụ đầu tư và kinh doanh cơ sở hạ tầng, dịch vụ ăn uống bình dân, dịch vụ vui chơi giải trí, thể dục thể thao; đại lý bán vé máy bay và đại lý bưu chính viễn thông;
 - Kinh doanh tài chính; hoạt động tài chính, ngân hàng, tư vấn kiểm toán báo cáo tài chính, chứng khoán, dịch vụ tài chính khác;
 - Đầu tư kinh doanh cơ sở hạ tầng, khu công nghiệp và đô thị; kinh doanh bất động sản; kinh doanh phát triển nhà, khu công nghiệp, đô thị; cho thuê nhà xưởng, nhà ở, văn phòng; đầu tư kinh doanh bưu chính viễn thông;
 - Tổ chức hội chợ triển lãm, biểu diễn thời trang trong và ngoài nước; xuất bản, in ấn; và
 - Đầu tư ra nước ngoài; làm đại diện cho các công ty nước ngoài tại Việt Nam.
- 2 Đầu tư, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của chủ sở hữu, cổ đông, thành viên góp vốn tại các công ty con, công ty liên kết.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, Tập đoàn Dệt-May Việt Nam có 1.148 nhân viên (31/12/2010: 931 nhân viên).

2. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Tập đoàn Dệt-May Việt Nam áp dụng trong việc lập các báo cáo tài chính riêng này.

(a) Cơ sở lập báo cáo tài chính

Các báo cáo tài chính riêng trình bày bằng Đồng Việt Nam ("VND"), được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

Các báo cáo tài chính riêng, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng được lập theo phương pháp gián tiếp.

(b) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Tập đoàn Dệt-May Việt Nam từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(c) Áp dụng Thông tư số 210/2009/TT-BTC của Bộ Tài chính về trình bày và công bố thông tin về công cụ tài chính

Từ ngày 1 tháng 1 năm 2011, Công ty áp dụng phi hồi tố các quy định của Thông tư số 210/2009/TT-BTC của Bộ Tài chính về trình bày và công bố thông tin về công cụ tài chính ("Thông tư 210"). Việc áp dụng Thông tư 210 không có ảnh hưởng trọng yếu đến việc xác định giá trị hoặc trình bày các công cụ tài chính trên báo cáo tài chính của Công ty. Các thuyết minh báo cáo tài chính quy định trong Thông tư 210 không trình bày các số liệu so sánh do áp dụng phi hồi tố.

(d) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng các đơn vị tiền tệ khác với VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái quy định tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Các giao dịch bằng các đơn vị tiền tệ khác VND phát sinh trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái quy định tại ngày giao dịch.

Từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, Tập đoàn Dệt-May Việt Nam áp dụng phi hồi tố Thông tư số 201/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành về ghi nhận chênh lệch tỷ giá hối đoái. Thông tư này hướng dẫn ghi nhận chênh lệch tỷ giá hối đoái như sau:

- Chênh lệch tỷ giá hối đoái liên quan đến hoạt động xây dựng các tài sản cố định hữu hình hay chuyển đổi các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ phát sinh trong giai đoạn trước hoạt động của Tập đoàn Dệt-May Việt Nam thì được ghi nhận vào tài khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái thuộc nguồn vốn chủ sở hữu cho đến khi các tài sản cố định hữu hình này được đưa vào sử dụng, các chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện có liên quan được kết chuyển toàn bộ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái được kết chuyển vào tài khoản doanh thu chưa thực hiện và lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái được kết chuyển vào tài khoản trả trước dài hạn. Các khoản lãi và lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện này được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng năm năm.

Công ty TNHH Một Thành Viên Tập đoàn Dệt-May Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011
(tiếp theo)

- Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh từ việc đánh giá lại các khoản tài sản và nợ phải trả tiền tệ ngắn hạn có gốc ngoại tệ được ghi nhận vào tài khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái thuộc nguồn vốn chủ sở hữu. Các chênh lệch tỷ giá hối đoái này sẽ được ghi đảo để xóa sổ vào đầu kỳ sau;
- Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh từ việc đánh giá lại các khoản tài sản và nợ phải trả tiền tệ dài hạn có gốc ngoại tệ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh từ việc đánh giá lại các khoản tài sản và nợ phải trả tiền tệ dài hạn có gốc ngoại tệ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, trừ khi mỗi đơn vị phụ thuộc của Tập đoàn Dệt-May Việt Nam bị lỗ trong năm thì khoản lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh từ việc đánh giá lại các khoản tài sản và nợ phải trả tiền tệ dài hạn có gốc ngoại tệ được ghi nhận vào tài khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái thuộc nguồn vốn chủ sở hữu để đơn vị phụ thuộc đó không bị lỗ trong năm. Khoản lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái ghi nhận trong tài khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng năm năm; và
- Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh từ việc thanh toán các tài sản và công nợ tiền tệ có gốc ngoại tệ được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

(e) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(f) Các khoản đầu tư

Các khoản đầu tư được phản ánh theo nguyên giá. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi Cơ quan Tổng Giám Đốc cho rằng việc giảm giá này không mang tính tạm thời. Dự phòng được hoàn nhập nếu việc tăng giá trị có thể thu hồi sau đó có thể liên hệ một cách khách quan tới một sự kiện phát sinh sau khi khoản dự phòng này được lập. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư này khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(g) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Công ty TNHH Một Thành Viên Tập đoàn Dệt-May Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011
(tiếp theo)

(h) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân giá quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung đã được phân bổ. Giá trị có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng.

Tập đoàn Dệt-May Việt Nam sử dụng phương pháp phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(i) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí phân bổ trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu thường được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm tại thời điểm phát sinh chi phí. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được do việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn đã được đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hoá như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa	6 - 50 năm
▪ máy móc và thiết bị	8 - 10 năm
▪ phương tiện vận chuyển	6 - 10 năm
▪ thiết bị văn phòng	2 - 8 năm

(j) Tài sản cố định vô hình

(i) Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm tiền thuê đất trả trước và các chi phí phân bổ trực tiếp phát sinh liên quan tới việc bảo đảm quyền sử dụng đất. Quyền sử dụng đất được khấu hao trong vòng 50 năm.

(ii) Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Giá mua của phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 3 đến 10 năm.

Công ty TNHH Một Thành Viên Tập đoàn Dệt-May Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011
(tiếp theo)

(k) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi cho xây dựng chưa được hoàn thành. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng.

(l) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Chi phí đất trả trước

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất là 29 năm.

(ii) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 2 đến 5 năm.

(m) Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và khoản phải trả khác thể hiện theo nguyên giá.

(n) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Tập đoàn Dệt-May Việt Nam có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các nghĩa vụ về khoản nợ phải trả đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến có thể phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá hiện tại của thị trường về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

(o) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán, cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả được dự kiến sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

Công ty TNHH Một Thành Viên Tập đoàn Dệt-May Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011
(tiếp theo)

(p) Doanh thu

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại.

(ii) Cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch tại ngày kết thúc niên độ. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(iii) Dịch vụ gia công

Doanh thu cung cấp dịch vụ gia công được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi hàng hoá được gia công xong và được người mua chấp nhận. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố trọng yếu không chắc chắn liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(iv) Hợp đồng xây dựng

Doanh thu hợp đồng xây dựng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo tiến độ hoàn thành khi kết quả của hợp đồng xây dựng có thể ước tính được một cách đáng tin cậy. Tiến độ hoàn thành được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố trọng yếu không chắc chắn liên quan đến khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(v) Doanh thu cho thuê

Doanh thu cho thuê tài sản được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng cho thuê được ghi nhận như là một bộ phận hợp thành của tổng doanh thu cho thuê.

(vi) Thu nhập từ cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi quyền nhận cổ tức được xác lập.

(q) Chi phí vay

Chi phí vay được ghi nhận là chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí vay thì khi đó chi phí vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(r) Các công ty liên quan

Các công ty liên quan bao gồm các công ty con, công ty liên kết của Tập đoàn Dệt-May Việt Nam.

Công ty TNHH Một Thành Viên Tập đoàn Dệt-May Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011
(tiếp theo)

(s) Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán

Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán, như được định nghĩa trong Hệ thống Kế toán Việt Nam, được trình bày trong các thuyết minh thích hợp của báo cáo tài chính này.

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Tiền mặt	648.907.875	1.231.581.969
Tiền gửi ngân hàng	10.702.531.845	90.847.035.515
Các khoản tương đương tiền	136.800.000.000	305.000.000.000
	148.151.439.720	397.078.617.484

Trong tiền tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 có số tiền bằng các đơn vị tiền tệ khác VND là 176 triệu VND (31/12/2010: 862 triệu VND).

4. Đầu tư tài chính ngắn hạn

Đầu tư tài chính ngắn hạn là các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 3 tháng đến 12 tháng và hưởng lãi suất là 14% (2010: từ 10,3% đến 12,5%).

5. Phải thu ngắn hạn và dài hạn

Các khoản phải thu ngắn hạn và dài hạn bao gồm các khoản phải thu sau từ các bên liên quan:

	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Thương mại	23.320.699.035	22.129.426.447
Phi thương mại	25.108.524.080	59.732.966.035

Các khoản phải thu phi thương mại từ các bên liên quan không có bảo đảm, không chịu lãi và có thể thu được theo yêu cầu.

Công ty TNHH Một Thành Viên Tập đoàn Dệt-May Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011
(tiếp theo)

Các khoản phải thu ngắn hạn khác bao gồm:

	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Các khoản phải thu về cổ phần hóa	27.328.828.715	44.581.358.972
Cổ tức phải thu	185.563.168.537	154.668.777.512
Cho vay	571.209.468.252	453.378.007.750
Tiền lãi	11.395.236.087	23.603.529.140
Đầu tư vào công ty con chờ thanh toán	20.000.000.000	32.782.095.000
Lợi nhuận giữ lại phải thu từ các công ty con	4.283.221.027	40.718.304.095
Phải thu từ bán khoản đầu tư	62.686.868.155	-
Các khoản phải thu khác	9.827.832.799	2.067.274.650
	892.294.623.572	751.799.347.119

Các khoản phải thu dài hạn khác phản ánh các khoản cho vay dài hạn mà Tập đoàn Dệt-May Việt Nam cho các công ty con vay như sau:

	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Công ty Cổ phần Nhuộm và Hoàn tất Vải Vinatex	-	37.344.643.037
Trường Cao đẳng Công nghiệp Dệt May Thời trang Hà Nội	40.500.000.000	40.500.000.000
Các công ty con khác	17.897.078.000	7.897.078.000
	58.397.078.000	85.741.721.037

Các khoản cho vay này chịu lãi suất năm trong khoảng từ 0% đến 12% với thời hạn từ 2 đến 10 năm.

Biến động trong năm của dự phòng phải thu khó đòi như sau:

	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Số dư đầu năm	45.029.643.181	17.556.721.510
Tăng dự phòng trong năm	10.096.112.519	44.377.007.897
Sử dụng dự phòng trong năm	(18.402.918.984)	-
Hoàn nhập	(6.086.325.232)	(16.904.086.226)
Giảm do chia tách Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng An Thịnh	(452.635.284)	-
Số dư cuối năm	30.183.876.200	45.029.643.181

Giá trị ghi sổ của các khoản phải thu thể hiện mức rủi ro tín dụng tối đa gắn liền với các khoản phải thu này.

Công ty TNHH Một Thành Viên Tập đoàn Dệt-May Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

(tiếp theo)

Rủi ro tín dụng của Tập đoàn Dệt-May Việt Nam liên quan đến khoản phải thu chịu ảnh hưởng chủ yếu bởi đặc điểm của từng khách hàng. Tập đoàn Dệt-May Việt Nam không nắm giữ tài sản đảm bảo nào từ các khách hàng.

Dựa trên tỷ lệ thực tế không thu được nợ từ các kỳ trước, Tập đoàn Dệt-May Việt Nam tin rằng, ngoài số dự phòng đã lập, Tập đoàn không cần lập bổ sung dự phòng phải thu khó đòi cho các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2011. Bảng phân tích tuổi nợ các khoản phải thu sau khi trừ dự phòng phải thu khó đòi như sau:

	31/12/2011 VND
Trong hạn	883.247.677.411
Quá hạn từ 0 – 30 ngày	-
Quá hạn từ 31 – 180 ngày	10.217.253.850
Quá hạn trên 180 ngày	15.918.860.635
	<hr/>
	909.383.791.896

6. Hàng tồn kho

	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Nguyên vật liệu	745.410.026	569.307.389
Công cụ và dụng cụ	129.796.444	12.698.000
Hàng hóa	1.197.187.854	-
	<hr/>	<hr/>
	2.072.394.324	582.005.389

Công ty TNHH Một Thành Viên Tập đoàn Dệt-May Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 (tiếp theo)

7. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng VND
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	138.517.619.624	250.540.479.583	7.145.952.760	6.221.774.887	402.425.826.854
Tăng trong năm	70.272.728	2.430.791.826	1.266.634.270	340.885.682	4.108.584.506
Chuyển sang xây dựng cơ bản dở dang	(2.582.194.675)	-	-	-	(2.582.194.675)
Phân loại lại	7.125.928.412	(11.098.560.941)	4.274.327.240	(301.694.711)	-
Thanh lý	(184.093.288)	(5.184.342.302)	(678.818.181)	(3.139.729.871)	(9.186.983.642)
Xóa sổ	-	-	-	(190.115.970)	(190.115.970)
Giảm do chia tách Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng An Thịnh	(2.151.232.289)	(175.375.494)	(527.204.000)	(13.892.100)	(2.867.703.883)
Chuyển sang các công ty con, công ty liên kết	-	-	(615.143.190)	143.718.961	(471.424.229)
Biến động khác	8.268.024.470	(639.495.249)	(4.380.301.785)	(284.469.053)	2.963.758.383
Số dư cuối năm	149.064.324.982	235.873.497.423	6.485.447.114	2.776.477.825	394.199.747.344
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	34.206.367.610	86.387.869.952	4.372.057.888	2.671.606.356	127.637.901.806
Khấu hao trong năm	11.181.114.715	40.783.391.704	1.029.691.628	2.657.053.460	55.651.251.507
Chuyển sang xây dựng cơ bản dở dang	(258.132.580)	-	-	-	(258.132.580)
Phân loại lại	(37.298.967)	261.392.506	(521.385.932)	297.292.393	-
Thanh lý	(92.046.632)	(4.956.971.969)	(328.241.713)	(3.139.729.871)	(8.516.990.185)
Xóa sổ	-	-	-	(190.115.970)	(190.115.970)
Giảm do chia tách Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng An Thịnh	(849.755.503)	(90.034.114)	(5.817.064)	(398.812.435)	(1.344.419.116)
Chuyển sang các công ty con, công ty liên kết	-	-	(391.719.442)	74.789.693	(316.929.749)
Biến động khác	9.593.605.404	(2.355.149.066)	-	(2.448.707.040)	4.789.749.298
Điều chỉnh từ tài sản cố định vô hình	-	-	-	2.112.070.306	2.112.070.306
Số dư cuối năm	53.743.854.047	120.030.499.013	4.154.585.365	1.635.446.892	179.564.385.317
Giá trị còn lại					
Số dư đầu năm	104.311.252.014	164.152.609.631	2.773.894.872	3.550.168.531	274.787.925.048
Số dư cuối năm	95.320.470.935	115.842.998.410	2.330.861.749	1.141.030.933	214.635.362.027

Công ty TNHH Một Thành Viên Tập đoàn Dệt-May Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011
(tiếp theo)

Trong tài sản cố định hữu hình có các tài sản có nguyên giá 10.671 triệu VND được khấu hao hết đến ngày 31 tháng 12 năm 2011 (31/12/2010: 10.537 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 tài sản cố định hữu hình có giá trị ghi sổ là 159.127 triệu VND (31/12/2010: 175.931 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Tập đoàn Dệt-May Việt Nam.

8. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy vi tính VND	Tổng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	71.710.317.994	7.200.864.002	78.911.181.996
Tăng trong năm	-	600.350.000	600.350.000
Giảm do chia tách Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng An Thịnh	(9.165.589.394)	-	(9.165.589.394)
Xóa sổ	-	(7.200.864.002)	(7.200.864.002)
Số dư cuối năm	62.544.728.600	600.350.000	63.145.078.600
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	4.267.157.540	5.020.388.132	9.287.545.672
Khấu hao trong năm	1.250.953.864	435.891.797	1.686.845.661
Xóa sổ	-	(3.812.174.966)	(3.812.174.966)
Điều chỉnh sang tài sản cố định hữu hình	-	(2.112.070.306)	(2.112.070.306)
Phân loại lại	(516.696.828)	516.696.828	-
Số dư cuối năm	5.001.414.576	48.731.485	5.050.146.061
Giá trị còn lại			
Số dư đầu năm	67.443.160.454	2.180.475.870	69.623.636.324
Số dư cuối năm	57.543.314.024	551.618.515	58.094.932.539

Công ty TNHH Một Thành Viên Tập đoàn Dệt-May Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011
(tiếp theo)

9. Xây dựng cơ bản dở dang

	2011 VND	2010 VND
Số dư đầu năm	11.773.702.557	75.134.983.317
Tăng trong năm	24.378.758.317	1.202.335.263
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	-	(41.152.825.342)
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	(2.358.237.417)	-
Chuyển từ tài sản cố định hữu hình	2.324.062.095	-
Giảm do chia tách Công ty TNHH MTV Thương Mại Thời Trang Dệt May Việt Nam	-	(7.373.041.207)
Xóa sổ	(5.009.544.994)	(16.037.749.474)
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	31.108.740.558	11.773.702.557

10. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Đầu tư dài hạn dạng vốn chủ sở hữu vào:		
▪ Các công ty con	1.702.301.421.745	1.822.722.235.442
▪ Các công ty liên kết	598.741.565.000	212.965.265.000
Các khoản đầu tư dài hạn khác	632.202.318.659	646.716.516.139
	<hr/>	<hr/>
	2.933.245.305.404	2.682.404.016.581
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	(56.008.152.293)	(74.520.338.119)
	<hr/>	<hr/>
	2.877.237.153.111	2.607.883.678.462

Biến động dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn trong năm như sau:

	2011 VND	2010 VND
Số dư đầu năm	74.520.338.119	18.879.837.459
Tăng dự phòng trong năm	-	55.640.500.660
Hoàn nhập	(18.512.185.826)	-
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	56.008.152.293	74.520.338.119

Công ty TNHH Một Thành Viên Tập đoàn Dệt-May Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011
(tiếp theo)

Trong các khoản đầu tư dài hạn khác có các khoản đầu tư vào cổ phiếu được giao dịch phổ biến trên thị trường:

	31/12/2011	
	Số lượng	VND
Đầu tư vào cổ phiếu của		
▪ Ngân hàng TMCP Hàng Hải	5.825.815	53.942.740.000
▪ Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam	17.781	148.180.000
▪ Ngân hàng TMCP Á Châu	324.434	3.244.340.000
▪ Ngân hàng TMCP Nam Việt	10.995.285	139.952.850.000
▪ Ngân hàng TMCP Kỹ thương	153.343	1.220.710.000
▪ Công ty CP Dệt May Đầu tư Thương mại Thành Công	3.395.845	45.302.702.520
		243.811.522.520

Giá trị hợp lý của khoản đầu tư trên dựa trên giá niêm yết trên thị trường của các khoản đầu tư và cổ phiếu tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 như sau:

	31/12/2011	
	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND
Các khoản đầu tư vào cổ phiếu trên thị trường	243.811.522.520	160.614.723.110

Phần còn lại của các khoản đầu tư dài hạn khác là đầu tư vào vốn của các đơn vị không phải là công ty đại chúng. Không có thị trường hoạt động cho các khoản đầu tư này và thông tin giá trị thị trường cũng không có sẵn.

Công ty TNHH Một Thành Viên Tập đoàn Dệt-May Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 (tiếp theo)

11. Các đơn vị thuộc Tập đoàn

Tập đoàn Dệt-May Việt Nam có 30 công ty con, trong đó các công ty con giữ vai trò quan trọng là:

Tên công ty	31/12/2011		31/12/2010	
	% sở hữu	% quyền biểu quyết	VND	VND
Công ty con				
Công ty Cổ phần Tài chính Dệt May	100,00%	100,00%	320.480.340.000	320.480.340.000
Công ty TNHH Dệt Kim Đông Phương	100,00%	100,00%	174.676.812.548	175.292.324.101
Công ty TNHH NN Một Thành viên Dệt 8/3	100,00%	100,00%	40.206.255.536	40.206.255.536
Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ	67,42%	67,42%	101.123.800.000	63.010.230.000
Công ty Cổ phần Sản xuất - Xuất nhập khẩu Dệt May	68,50%	68,50%	29.900.000.000	22.750.000.000
Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hà Nội	57,57%	57,57%	118.026.000.000	118.026.000.000
Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định	53,67%	53,67%	72.997.000.000	72.997.000.000
Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú	52,00%	52,00%	260.000.000.000	260.000.000.000
Công ty Cổ phần Thương mại Dệt may	77,23%	77,23%	34.755.000.000	34.755.000.000
Thành Phố Hồ Chí Minh				
Công ty Dệt kim Đông Xuân	100,00%	100,00%	30.286.901.477	30.000.000.000
Công ty Cổ phần Len Việt Nam	67,15%	67,15%	27.531.200.000	27.531.200.000
Công ty Cổ phần Bông Việt Nam	55,00%	55,00%	27.500.000.000	27.500.000.000

Công ty TNHH Một Thành Viên Tập đoàn Dệt-May Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 (tiếp theo)

Tập đoàn Dệt-May Việt Nam có 31 công ty liên kết, trong đó các công ty liên kết giữ vai trò quan trọng là:

Tên công ty	31/12/2011		31/12/2010	
	% sở hữu	% quyền biểu quyết	VND	VND
Công ty liên kết				
Công ty Cổ phần May Nhà Bè	27,69%	27,69%	50.400.000.000	40.320.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Vinatex Tân Tạo	24,55%	24,55%	27.000.000.000	27.000.000.000
Công ty Cổ phần May Đức Giang	36,76%	36,76%	22.740.680.000	19.064.280.000
Công ty Cổ phần May Hưng Yên	40,00%	40,00%	17.360.000.000	17.360.000.000
Tổng Công ty May 10 - Công ty Cổ phần	36,99%	36,99%	29.593.200.000	29.593.200.000
Tổng Công ty Cổ phần May Việt Tiên	47,88%	47,88%	134.059.200.000	121.872.000.000
Tổng Công ty Việt Thắng - Công ty Cổ phần	49,28%	49,28%	98.550.000.000	76.650.000.000

Công ty TNHH Một Thành Viên Tập đoàn Dệt-May Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011
 (tiếp theo)

12. Chi phí trả trước dài hạn

	Chi phí đất trả trước VND	Công cụ và dụng cụ VND	Tổng VND
Số dư đầu năm	9.612.016.797	1.037.990.110	10.650.006.907
Tăng trong năm	22.285.720.019	3.838.854.602	26.124.574.621
Chuyển từ xây dựng cơ bản dờ dang	-	2.358.237.417	2.358.237.417
Phân bổ trong năm	(6.580.619.268)	(5.442.366.430)	(12.022.985.698)
Giảm do chia tách Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng An Thịnh	(19.452.438)	-	(19.452.438)
Số dư cuối năm	25.297.665.110	1.792.715.699	27.090.380.809

13. Vay ngắn hạn

	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh 16)	265.240.000.000	265.240.000.000

14. Chi phí phải trả

	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Phí dịch vụ chuyên môn và phí tư vấn	2.998.000.000	3.083.227.273
Chi phí lãi vay	8.971.666.667	-
Chi phí phải trả khác	3.698.953.230	5.217.058.566
Tổng	15.668.619.897	8.300.285.839

Công ty TNHH Một Thành Viên Tập đoàn Dệt-May Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011
 (tiếp theo)

15. Phải trả khác

	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Kinh phí công đoàn	666.139.996	193.248.779
Bảo hiểm xã hội	(24.070.110)	10.168.974
Doanh thu chưa thực hiện	-	805.253.505
Phải trả các công ty con	35.390.141.839	23.155.069.042
Phải trả Bộ Công Thương	840.822.223	25.545.622.223
Phải trả mua tài sản cố định	-	9.105.589.394
Phải trả cổ phần hóa	-	10.082.763.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	112.693.918	1.527.338.699
	36.985.727.866	70.425.053.616

Khoản phải trả các công ty con không được bảo đảm, không chịu lãi và phải trả khi có yêu cầu.

16. Vay dài hạn

	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Ngân hàng Phát triển - Chi nhánh Hưng Yên (a)	67.718.062.613	95.798.062.613
Ngân hàng Phát triển - Chi nhánh Hưng Yên 2 (b)	28.325.000.000	35.885.000.000
Tập đoàn Dầu Khí Quốc Gia Việt Nam (c)	229.600.000.000	229.600.000.000
	325.643.062.613	361.283.062.613
Hoàn trả trong vòng 12 tháng (Thuyết minh 13)	(265.240.000.000)	(265.240.000.000)
	60.403.062.613	96.043.062.613

- a. Khoản vay này được bảo đảm bằng số tài sản cố định với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 là 86.573 triệu VND (31/12/2010: 100.647 triệu VND). Khoản vay này chịu lãi suất 4,2% một năm và số dư còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 được hoàn trả trong 36 kỳ hàng tháng, mỗi kỳ trả 2.340 triệu VND và số dư còn lại vào kỳ thanh toán cuối cùng.
- b. Khoản vay này được bảo đảm bằng số tài sản cố định với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 là 72.554 triệu VND (31/12/2010: 75.284 triệu VND). Khoản vay này gồm hai khoản chịu lãi suất lần lượt là 3% và 6% một năm và số dư còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 được hoàn trả trong 3 năm theo từng kỳ hàng tháng, mỗi kỳ trả tổng cộng là 630 triệu VND và trả toàn bộ số dư còn lại vào kỳ thanh toán cuối cùng.
- c. Khoản vay này không được bảo đảm, chịu lãi suất 3% một năm (2010: 2%) và trong năm 2011 đã được gia hạn hoàn trả tới ngày 30 tháng 6 năm 2012.

Công ty TNHH Một Thành Viên Tập đoàn Dệt-May Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011
(tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, các khoản nợ tài chính có khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định được bao gồm cả khoản thanh toán tiền lãi ước tính có thời gian đáo hạn theo hợp đồng như sau:

	Giá trị ghi sổ VND	Dòng tiền theo hợp đồng VND	Trong vòng 1 năm VND	1 - 2 năm VND	2 - 5 năm VND
Vay dài hạn	325.643.062.613	331.338.188.173	268.542.406.774	37.444.841.416	25.350.939.983

Tập đoàn Dệt-May Việt Nam quản lý khả năng thanh toán các khoản chi phí hoạt động dự kiến và thanh toán các khoản nợ bằng cách đầu tư khoản tiền thặng dư vào các khoản đầu tư ngắn hạn và duy trì một số hạn mức tín dụng vay ngân hàng.

17. Vốn góp

Biến động vốn điều lệ đã góp trong năm như sau:

	2011 VND	2010 VND
Số dư đầu năm	3.400.000.000.000	3.265.299.628.660
Bổ sung vốn góp từ các quỹ	-	115.471.053.164
Tăng vốn do nhận khoản đầu tư mới từ các công ty con	-	21.614.577.880
Giảm vốn thông qua việc bán vốn góp của Nhà nước khi các công ty con tiến hành cổ phần hóa	-	(2.385.259.704)
Số dư cuối năm	3.400.000.000.000	3.400.000.000.000

18. Các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu

(i) Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích từ lợi nhuận chưa phân phối theo quyết định của Hội đồng Thành viên Tập đoàn Dệt-May Việt Nam. Quỹ này được lập nhằm phục vụ hoạt động mở rộng kinh doanh trong tương lai. Khi quỹ này được sử dụng cho hoạt động mở rộng kinh doanh, số tiền được sử dụng sẽ được chuyển sang vốn góp.

(ii) Quỹ dự phòng tài chính

Theo Thông tư 138/2010-TT-BTC ngày 17 tháng 9 năm 2010, Tập đoàn Dệt-May Việt Nam đã trích 20.888 triệu VND từ lợi nhuận sau thuế năm 2011 sang quỹ dự phòng tài chính trong mục nguồn vốn.

(iii) Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản

Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản được Bộ Tài chính chuyển cho Tập đoàn Dệt-May Việt Nam nhằm phục vụ cho mục đích đầu tư xây dựng mới, cải tạo, mở rộng cơ sở sản xuất, kinh doanh và mua sắm TSCĐ để đổi mới công nghệ của các trường dạy nghề thuộc Tập đoàn Dệt-May Việt Nam.

Công ty TNHH Một Thành Viên Tập đoàn Dệt-May Việt Nam
 Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011
 (tiếp theo)

19. Tổng doanh thu

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	2011 VND	2010 VND
Tổng doanh thu		
▪ Bán hàng	64.926.151.437 ✓	429.429.331.365
▪ Cung cấp dịch vụ	5.957.047.999	22.218.517.460
▪ Doanh thu cho thuê văn phòng	24.633.481.812	32.240.319.235
▪ Hợp đồng xây dựng	-	6.627.267.876
▪ Khác	3.995.974.787 ✓	-
	<hr/> 99.512.656.035	<hr/> 490.515.435.936
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu		
▪ Chiết khấu thương mại	-	(1.359.872.238)
▪ Hàng bán bị trả lại	-	(7.075.739)
▪ Khác	(90.909)	-
	<hr/> (90.909)	<hr/> (1.366.947.977)
Doanh thu thuần	<hr/> 99.512.565.126	<hr/> 489.148.487.959

20. Giá vốn hàng bán

	2011 VND	2010 VND
Hàng hoá đã bán	62.016.719.154	372.281.901.056
Dịch vụ đã cung ứng	4.845.812.080	237.990.947
Hợp đồng xây dựng	-	6.833.891.284
	<hr/> 66.862.531.234	<hr/> 379.353.783.287

Công ty TNHH Một Thành Viên Tập đoàn Dệt-May Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011
(tiếp theo)

21. Doanh thu hoạt động tài chính

	2011 VND	2010 VND
Lãi tiền gửi và cho vay	72.315.663.514	60.331.361.780
Cổ tức	230.724.769.945	234.252.889.303
Lãi từ hoạt động bán cổ phiếu	33.179.197.011	31.295.505.952
Doanh thu hoạt động tài chính khác	3.529.640.179	4.529.030.087
	<hr/> 339.749.270.649	<hr/> 330.408.787.122

22. Chi phí tài chính

	2011 VND	2010 VND
Chi phí lãi vay	13.772.830.703	10.436.281.661
Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư	(18.747.326.791)	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	684.247.585	-
Các chi phí tài chính khác	2.474.344.227	484.886.549
	<hr/> (1.815.904.276)	<hr/> 10.921.168.210

23. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	2011 VND	2010 VND
Chi phí thuế hiện hành		
Năm hiện hành	-	122.576.813
	<hr/>	<hr/>

Công ty TNHH Một Thành Viên Tập đoàn Dệt-May Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011
(tiếp theo)

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	2011 VND	2010 VND
Lợi nhuận trước thuế	216.011.070.573	201.475.199.818
Thuế tính theo thuế suất của Tập đoàn Dệt-May Việt Nam	57.959.743.269	50.368.799.955
Thuế tương ứng với thu nhập không bị tính thuế	(57.681.192.486)	(50.246.223.142)
Lỗ tính thuế được sử dụng	(385.287.343)	-
Chênh lệch tạm thời chưa ghi nhận	106.736.560	-
	-	122.576.813

(c) Thuế suất áp dụng

Tập đoàn Dệt-May Việt Nam có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 25% trên lợi nhuận tính thuế.

24. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với các bên liên quan đã trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính hợp nhất này, Tập đoàn Dệt-May Việt Nam có các giao dịch sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch	
	2011 VND	2010 VND
Công ty TNHH Dệt 8/3		
Khoản cho vay	10.000.000.000	-
Thu nhập tiền lãi	1.657.905.000	1.430.520.000
Trả hộ tiền	2.907.206.482	-
Công ty TNHH Dệt Kim Đông Phương		
Khoản cho vay	-	30.000.000.000
Trường Cao đẳng Công nghiệp Dệt May Thời trang Hà Nội		
Khoản cho vay	-	5.000.000.000
Xóa lãi vay	1.350.866.667	-
Trường Cao đẳng nghề Vinatex		
Khoản cho vay	-	7.847.000.000
Xóa lãi vay	299.958.333	-

Công ty TNHH Một Thành Viên Tập đoàn Dệt-May Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011
(tiếp theo)

	Giá trị giao dịch	
	2011 VND	2010 VND
Công ty Cổ phần Nhuộm và Hoàn tất vải Vinatex		
Văn phòng cho thuê và tài sản đã cấp	-	7.757.817.000
Khoản cho vay và hoàn trả	20.000.000.000	14.309.973.441
Thu nhập tiền lãi	-	5.250.058.771
Xóa gốc và lãi vay	25.174.058.408	-
Đầu tư góp vốn	85.409.760.121	-
Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ		
Khoản cho vay và hoàn trả	-	10.000.000.000
Cổ tức	24.005.373.200	10.841.841.400
Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú		
Khoản cho vay và hoàn trả	-	30.000.000.000
Thu nhập tiền lãi	9.936.111.113	8.462.222.223
Cổ tức	52.000.000.000	52.000.000.000
Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hà Nội		
Khoản cho vay và hoàn trả	-	-
Cổ tức	-	14.163.120.000
Thu nhập tiền lãi	923.222.222	-
Tổng Công ty Cổ phần May Việt Tiến		
Khoản cho vay và hoàn trả	-	20.000.000.000
Cổ tức	33.514.800.000	9.749.760.000
Doanh thu cho thuê	3.183.054.700	-
Tổng Công ty Việt Thắng - CTCP		
Cổ tức	19.710.000.000	18.250.000.000
Góp vốn liên doanh	21.900.000.000	-
Công ty Cổ phần Vinatex Đà Nẵng		
Thu nhập tiền lãi	1.460.000.000	-
Tổng Công ty Cổ phần May 10		
Phí gia công	64.528.356.253	42.285.351.215
Cổ tức	5.326.776.000	8.286.096.000
Ngân hàng TMCP Nam Việt		
Cổ tức	-	17.592.456.000
Công ty Cổ phần Sợi Phú Bài		
Cổ tức	6.832.980.000	8.092.200.000
Đầu tư góp vốn	2.970.000.000	-
Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định		
Cổ tức	8.029.670.000	7.299.700.000
Chi phí khác	11.000.000.000	-
Chuyển nhượng cổ phần Công ty đầu tư Vinatex	1.119.451.866	-

Công ty TNHH Một Thành Viên Tập đoàn Dệt-May Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011
 (tiếp theo)

	Giá trị giao dịch	
	2011 VND	2010 VND
Công ty Cổ phần Bất Động Sản Dệt May		
Cổ tức	7.200.000.000	13.950.000.000
Doanh thu cho thuê	2.704.624.340	-
Tổng Công Ty Cổ phần May Nhà Bè		
Cổ tức	-	6.048.000.000
Tổng Công ty May Đồng Nai		
Cổ tức	4.088.448.000	1.022.112.000
Doanh thu cho thuê	61.375.356	-
Công ty Cổ phần đầu tư Vinatex		
Khoản cho vay	28.300.000.000	-
Đầu tư góp vốn	13.150.000.000	-
Tổng Công ty May Hưng Yên – CTCP		
Cổ tức	8.680.000.000	4.340.000.000
Công ty Cổ phần Dệt May Huế		
Cổ tức	3.342.370.000	5.374.910.000

25. Cam kết mua tài sản cố định

Tập đoàn Dệt-May Việt Nam có các cam kết mua tài sản cố định sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán:

	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Đã được duyệt nhưng chưa ký kết hợp đồng	2.588.448.000	156.448.989.583
Đã được duyệt và đã ký kết hợp đồng	6.632.552.000	43.402.602.982
	9.221.000.000	199.851.592.565

26. Các khoản nợ tiềm ẩn

	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Thư bảo lãnh	681.334.500.000	681.334.500.000

Công ty TNHH Một Thành Viên Tập đoàn Dệt-May Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011
(tiếp theo)

27. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	2011 VND	2010 VND
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	10.214.318.953	329.985.449.229
Chi phí nhân công	64.782.951.067	42.045.125.575
Chi phí khấu hao và phân bổ	68.482.618.951	40.990.607.769
Chi phí dịch vụ mua ngoài	69.970.371.464	67.441.255.236
Chi phí khác	10.747.036.232	4.753.388.214

Người lập

Đặng Thị Hải
Chuyên viên Kế toán

Người duyệt:

Phạm Văn Tân
Trưởng Ban Tài chính



Trần Quang Nghị
Tổng Giám đốc

Ngày 23 tháng 8 năm 2012